Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 45**

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Thời lượng : 01 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Kiểm tra, đánh giá kiến thức HS từ Bài 42 (Quần thể sinh vật) đến Bài 45 ( Sinh quyển )

**2. Năng lực**

**Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự lực, độc lập làm bài kiểm tra.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng linh hoạt các kiến thức đã được học để giải thích các câu hỏi trong bài kiểm tra.

**Năng lực riêng**

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để trình bày bài làm logic, khoa học.

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Có ý thức, cố gắng cao trong làm bài kiểm tra.

- Trung thực : Trung thực trong quá trình làm bài kiểm tra , không sử dụng tài liệu, không trao đổi bài với bạn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- Đề kiểm tra giữa học kì 2 đã chuẩn bị trước.

**2. Đối với học sinh**

**-** Giấy làm bài theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**- GV tổ chức cho HS làm bài kiểm tra theo quy định của Nhà trường.**

**MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II MÔN KHTN LỚP 8 (PHẦN SINH HỌC)**

**NĂM HỌC 2024-2025**

**1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra Giữa Học kì II môn Khoa học tự nhiên lớp 8 (Phần Sinh học)**

**a) Khung ma trận**

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| **CHƯƠNG VIII: SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG** | | | | | | | | | | | |
| **Quần thể sinh vật** |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  | 0,25 |
| **Quần xã sinh vật** |  | 1/2 |  |  | 1 |  |  |  | 1 | 1/2 | 1,25 |
| **Hệ sinh thái** |  |  |  | 1/2 |  |  | 1 |  | 1 | 1/2 | 0,75 |
| **Sinh quyển** | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 0,25 |
| **Số câu/ số ý** | 1 | 1/2 | 1 | 1/2 | 1 |  | 1 |  | 4 | 1 | 2,5 |
| **Điểm số** | 0,25 | 1,0 | 0,25 | 0,5 | 0,25 |  | 0,25 |  | 1,0 | 1,5 | 2,5 |
| **Tổng số điểm** | **1,25 điểm** | | **0,75 điểm** | | **0,25 điểm** | | **0,25 điểm** | | **2,5 điểm** | | **2,5đ** |

**b) Bản đặc tả**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Số ý) | TN  (Số câu) |
|  | **CHƯƠNG VIII: SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG** | | | | | | |
| **Hệ sinh thái** | **Quần thể sinh vật** | **Nhận biết** | - Phát biểu được khái niệm quần thể sinh vật.  - Nêu được các đặc trưng cơ bản của quần thể (đặc trưng về số lượng, giới tính, lứa tuổi, phân bố). |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ minh hoạ cho các đặc trưng cơ bản của quần thể (đặc trưng về số lượng, giới tính, lứa tuổi, phân bố). |  | **1** |  | **C14** |
| **Vận dụng** | - Đề xuất được một số biện pháp bảo vệ quần thể. |  |  |  |  |
| **Quần xã sinh vật** | **Nhận biết** | - Phát biểu được khái niệm quần xã sinh vật.  - Nêu được một số đặc điểm cơ bản của quần xã (Đặc điểm về độ đa dạng: số lượng loài và số cá thể của mỗi loài; đặc điểm về thành phần loài: loài ưu thế, loài đặc trưng). | **1/2** |  | **C20** |  |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ minh hoạ các đặc trưng của quần xã.. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Đề xuất được một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã. |  | **1** |  | **C15** |
| **Hệ sinh thái** | **Nhận biết** | - Phát biểu được khái niệm hệ sinh thái. |  |  |  |  |
|  | **Thông hiểu** | - Nêu được khái niệm chuỗi, lưới thức ăn; sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải, tháp sinh thái.  - Nêu được tầm quan trọng của bảo vệ một số hệ sinh thái điển hình của Việt Nam: các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái biển và ven biển, các hệ sinh thái nông nghiệp.  - Lấy được ví dụ về các kiểu hệ sinh thái (hệ sinh thái trên cạn, hệ sinh thái nước mặn, hệ sinh thái nước ngọt).  - Lấy được ví dụ chuỗi thức ăn, lưới thức ăn trong quần xã.  - Quan sát sơ đồ vòng tuần hoàn của các chất trong hệ sinh thái, trình bày khái quát quá trình trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong hệ sinh thái. | **1/2** |  | **C20** |  |
|  | **Vận dụng cao** | - Thực hành: điều tra được thành phần quần xã sinh vật trong một hệ sinh thái |  | **1** |  | **C16** |
| **Sinh quyển** | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm sinh quyển. |  | **1** |  | **C13** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN** | **GIÁO VIÊN BỘ MÔN** |
|  |  |
| ***Nguyễn Thị Mỹ Linh*** | ***Hà Duy Tân*** |